TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 8 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phùng Thị Loan** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Đoàn Hoa Uyển** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Ngọc N**, sinh ngày 21/12/1992. Nơi ĐKHKTT: Ấp G, xã P, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Lâm Minh D**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp G, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Lâm Minh D tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau) vào ngày 01/4/2013. Trong cuộc sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên bà đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp N, xã P, tỉnh Cà Mau sinh sống từ tháng 4/2026 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông D.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà và ông D có 02 con chung là cháu Lâm Bình N sinh ngày 04/12/2013 và cháu Lâm Mai T sinh ngày 10/10/2020, hiện các con chung đang sống cùng ông D. Khi ly hôn bà đồng ý giao các con chung cho ông Dương được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng:* Bà không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình làm việc, bị đơn ông Lâm Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng vắng mặt ngày 07/8/2026 ông D có ý kiến là đồng ý ly hôn với bà N. Khi ly hôn ông D có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông D. Giao các con chung cho ông D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N khởi kiện bị đơn ông Lâm Minh D có địa chỉ tại ấp G, xã P, tỉnh Cà Mau nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau.

[3] Do bà N, ông D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bà N, ông D là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Lâm Minh D tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/4/2013 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà N xác định trong thời gian chung sống bà và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên bà đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp Nhàn Dân, xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau sinh sống từ tháng 4/2026 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông D. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông D đồng ý ly hôn với bà N, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Lâm Minh D.

[5] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà N và ông D có 02 con chung là cháu Lâm Bình N sinh ngày 04/12/2013 và cháu Lâm Mai T sinh ngày 10/10/2020, hiện các con chung đang sống cùng ông D. Khi ly hôn bà N đồng ý giao các con chung cho ông D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ đều có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn nếu giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Quá trình làm việc, cháu Nguyên có nguyện vọng được sống cùng ông D, đồng thời tại đơn xin xét xử vắng mặt ông D cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyên và cháu Trúc cho ông D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[9] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng do các bên đương sự tự nguyện ly hôn nên các bên chỉ phải chịu 50% mức án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Cụ thể bà N và ông D mỗi người phải chịu 75.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Lâm Minh D.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao con chung là cháu Lâm Bình N sinh ngày 04/12/2013 và cháu Lâm Mai T sinh ngày 10/10/2020 cho ông Lâm Minh D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà Nguyễn Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng*: Ông Lâm Minh D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 150.000 đồng, buộc bà Nguyễn Ngọc N và ông Lâm Minh D mỗi người phải chịu 75.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc N đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007779 ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu 75.000 đồng, bà Nguyễn Ngọc N được hoàn lại 225.000 đồng.

6. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực A - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, tỉnh Cà Mau;
(GCNKH số: 40 ngày 01/4/2013)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Nhi